

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2025/LĐ-ST**

Ngày: 29-8-2025

V/v Tranh chấp yêu cầu
tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

2. Ông Huỳnh Phi Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2025/TLST-LĐ ngày 24 tháng 06 năm 2025, về “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-LĐ ngày 11 tháng 08 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Vũ L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số nhà A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (Nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) - vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Công ty TNHH S.

Địa chỉ: Lô D, đường số E, KCN L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Nay là phường L, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Jung Yuong K – Chức vụ: Tổng giám đốc.
- vắng mặt.

3. **Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:** Ông Tiêu Thanh T, sinh năm 1990.
Địa chỉ: A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là xã T, tỉnh Cà Mau) – xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Nguyễn Vũ L trình bày:

Vào năm 2009, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông phải đi làm phụ giúp gia đình nhưng do chưa đủ tuổi lao động nên ông có dùng chứng minh nhân dân của ông Tiêu Thanh T, CMND số: 381438829 (CCCD: 096090002913); Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau để làm hồ sơ đi làm cho Công ty TNHH S. Khi được tuyển dụng vào làm việc, Công ty có cho ông (dưới tên Tiêu Thanh T) ký Hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng và lần thứ 2 ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 16738/HĐ ngày 07/06/2009 hiện Hợp đồng do công ty quản lý đến ngày 01/04/2017 thì kết thúc làm việc.

Tháng 04/2017, Công ty có ký hợp đồng lao động lại với tên thật của ông Nguyễn Vũ L để làm việc: Địa chỉ Công ty TNHH S: Lô D, đường số E, KCN L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Số sổ BHXH: 7909125952 là Nguyễn Vũ L.

Do thời gian từ tháng 06/2009 đến tháng 03/2017 anh T1 Thanh Tiền làm có làm việc và tham gia đóng BHXH tại Công ty TNHH S. Nên thời gian mà ông tham gia BHXH bị trùng với ông T là từ tháng 06 năm 2009 đến tháng 03 năm 2017.

Ngày 17/05/2024, ông và ông T có đến Cơ quan BHXH tỉnh Đ để giải trình sự việc nêu trên thì Cơ quan BHXH có Biên bản làm việc số 21A/BBLV xác nhận ông đã lấy hồ sơ của ông Tiêu Thanh T để đi làm và tham gia BHXH tại Công ty TNHH S, thời gian từ tháng 06/2009 đến tháng 03/2017 được cấp sổ BHXH mã số 7509062027, chưa hưởng trợ cấp 1 lần, chưa hưởng BHTN, sổ đang lưu giữ tại BHXH tỉnh Đ.

Do ông đã lấy hồ sơ của anh T1 Thanh Tiền để đi làm và đóng trùng BHXH, thuộc trường hợp thực hiện theo Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/05/2022 của bộ L1 hướng dẫn: *Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, như vậy đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ do người giao kết không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.*

Ngày 24/02/2025, ông có làm đơn xin tổ chức hoà giải, ngày 18/03/2025 và ngày 24/03/2025, Hoà giải viên tổ chức hoà giải nhưng kết quả hoà giải không thành.

Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố hợp đồng lao động của ông Nguyễn Vũ L; mã số BHXH 7509062027 ký hợp đồng lao động và làm việc tại công ty S từ tháng 06/2009 đến tháng 03/2017 được ký kết giữa ông Tiêu Thanh T – 15/06/1990; Địa chỉ thường trú: số nhà A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau; Số sổ BHXH: 7509062027 vô hiệu; Ông Nguyễn Vũ L chưa nhận các chế độ BHXH 1 lần, BHTN nên không được nhận các chế độ trên; Các bên liên quan: Công ty TNHH S, BHXH tỉnh Đ điều chỉnh, cập nhật hồ sơ quản lý theo hồ sơ nhân thân của ông Tiêu Thanh T.

Theo bị đơn Công ty TNHH S trình bày:

Theo dữ liệu trích ngang còn lưu trữ tại Công ty thể hiện, Công ty TNHH S có người lao động sau:

1. Tiêu Thanh T, sinh ngày 01/01/1990; CMND số: 381438829, ngày cấp 17/10/2005 tại Cà Mau, Địa chỉ thường trú: 100, Ấp T, Xã T, Huyện C, Tỉnh Cà Mau. Vào tháng 04/2009 người lao động nói trên được Công ty nhận vào làm việc, ký hợp đồng lao động và tham gia đóng các chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Tháng 04/2017, Người lao động đã viết đơn thôi việc và Công ty đã giải quyết các chế độ, chốt sổ bảo hiểm cho người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Nguyễn Vũ L, sinh ngày 16/09/1991; CMND số: 321474011, ngày cấp 07/10/2014 tại Bến Tre, Địa chỉ thường trú: 172/2, Ấp T, Xã T, Huyện T, Tỉnh Bến Tre. Vào tháng 04/2017 người lao động nói trên được Công ty nhận vào làm việc, ký hợp đồng lao động và tham gia đóng các chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Tháng 02/2023, Người lao động đã tự ý thôi việc và Công ty đã giải quyết các chế độ, chốt sổ bảo hiểm cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Người lao động khi vào làm việc tại Công ty phải có hồ sơ xin việc, sơ yếu lý lịch đầy đủ và phải có xác nhận của chính quyền địa phương thì mới được nhận vào làm việc tại Công ty. Công ty căn cứ hồ sơ hợp lệ của người lao động để ký hợp đồng lao động theo quy định.

Ngoài ra, Công ty không thể xác định được chính xác người lao động có phải đúng nhân thân như hồ sơ hay không. Khi người lao động vào làm việc thì Công ty phải tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định. Việc Ông L thừa nhận mượn hồ sơ của ông T để xin việc và giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S dưới tên là Tiêu Thanh T thì Công ty TNHH S hoàn toàn không biết gì về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội. Ông L và ông T hoàn toàn nhận thức được việc cho mượn hồ sơ để đi xin việc và ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S là trái pháp luật nên phải chấp nhận hậu quả pháp lý xảy ra, trong trường hợp này Công ty TNHH S không có lỗi.

Nay nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Tiêu Thanh T (do ông Nguyễn Vũ L mượn tên) và Công ty TNHH S, thời gian làm việc từ tháng 4/2009 đến tháng 4/2017 là vô hiệu phía Công ty không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tiêu Thanh T trình bày:

Ông đồng ý lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Vũ L trình bày về việc ông L dùng thông tin cá nhân của ông để làm việc tại Công ty S. Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố hợp đồng lao động của ông Nguyễn Vũ L; mã số BHXH 7509062027 ký hợp đồng lao động và làm việc tại công ty S từ tháng 06/2009 đến tháng 03/2017 được ký kết giữa ông Tiêu Thanh T – 15/06/1990; Địa chỉ thường trú: số nhà A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau; Số sổ BHXH: 7509062027 vô hiệu; Ông Nguyễn Vũ L không được nhận các chế độ BHXH 1 lần, BHTN nên không được nhận các chế độ trên thì ông đồng ý.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của ông L có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vũ L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào quan hệ lao động và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH S có địa chỉ trụ sở tại Lô D, đường số E, khu công nghiệp L (A), phường L, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định tại sự khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo trình bày của các đương sự thì ông Nguyễn Vũ L có mượn hồ sơ của ông Tiêu Thanh T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S từ tháng 06 năm 2009 đến tháng 03 năm 2017, được cấp sổ BHXH mã số 7509062027. Theo thông tin do Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ thì ông Nguyễn Vũ L có mượn hồ sơ của ông T1 Thanh Tiền để đi làm và tham gia BHXH tại Công ty TNHH S từ tháng 06 năm 2009 đến tháng 3 năm 2017 được cấp sổ BHXH mã số 7509062027; như vậy ông Tiêu Thanh T, sinh ngày 15/6/1990, số CMND 381438829, số CCCD 096090002913; hiện có 02 sổ BHXH (7509062027, 7909125952) có thời gian đóng BHXH trùng nhau.

Như vậy, Hợp đồng lao động ký kết giữa ông Nguyễn Vũ L (mang tên Tiêu Thanh T) với Công ty TNHH S từ tháng tháng 06 năm 2009 đến tháng 03 năm 2017 thuộc trường hợp được hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1: Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết Hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết Hợp đồng lao động, đây là trường hợp Hợp đồng lao động

vô hiệu toàn bộ. Vì ông Nguyễn Vũ L chưa nhận các chế độ BHXH 1 lần, BHTN nên không được nhận các chế độ trên; Các bên liên quan: Công ty TNHH S, BHXH tỉnh Đ điều chỉnh, cập nhật hồ sơ quản lý theo hồ sơ nhân thân của ông Tiêu Thanh T. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16 và khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông L là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về giải quyết hậu quả khi Hợp đồng vô hiệu: Các đương sự khác không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Nguyễn Vũ L yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa ông Nguyễn Vũ L (mang tên Tiêu Thanh T) với Công ty TNHH S từ tháng 06 năm 2009 đến tháng 03 năm 2017 vô hiệu là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông L tự nguyện chịu án phí thay Công ty số tiền 300.000đồng.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai về việc giải quyết vụ án cơ bản phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32; 35; 39; 147; 227; 228; 269; 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 13; 15; 16; 18; 21 và Điều 49 Bộ luật Lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Vũ L về việc “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*” đối với Công ty TNHH S.

Tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa ông Nguyễn Vũ L (mang tên Tiêu Thanh T) với Công ty TNHH S từ tháng 06 năm 2009 đến tháng 03 năm 2017 (được cấp sổ BHXH mã số 7509062027) vô hiệu.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Vũ L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí lao động sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007495 ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai;
- Lưu HS, VP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Xuân